

Số: 3087/QĐ-KHTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Quyết định số 2933/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM;

Căn cứ Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông báo số 1396/TB-KHTN về kết luận cuộc họp trao đổi, xin ý kiến các nội dung trong dự thảo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, áp dụng từ năm học 2026-2027 đối với sinh viên trình độ đại học các khóa tuyển. Quyết định này thay thế Quyết định số 1175/QĐ-KHTN ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.

Điều 3. Trưởng các phòng, ban chủ nhiệm các khoa, các thành viên liên quan và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT. 



Trần Lê Quan

QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3087/QĐ-KHTN ngày 29 tháng 9 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định chung về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trường) bao gồm: những quy định chung; kế hoạch và tổ chức đào tạo; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; các quy định về quá trình học tập, xử lý vi phạm của sinh viên và các quy định liên quan khác.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy và hình thức đào tạo thường xuyên các khoá đào tạo, các đơn vị, các tổ chức và cá nhân liên quan trong đào tạo trình độ đại học.

3. Quy chế này là căn cứ để Trường xây dựng và ban hành các văn bản quy định cụ thể liên quan đến tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy và hình thức đào tạo thường xuyên tại Trường.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học

1. Hoạt động đào tạo trình độ đại học được tổ chức theo chuẩn đầu ra, khối lượng học tập, điều kiện bảo đảm chất lượng và trách nhiệm giải trình của Trường; việc bảo đảm chất lượng đào tạo không phụ thuộc hình thức đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo, địa điểm đào tạo hoặc môi trường đào tạo.

2. Trường được tự chủ tổ chức đào tạo, lựa chọn phương thức tổ chức đào tạo, công nhận kết quả học tập, hỗ trợ lộ trình học tập linh hoạt của sinh viên; đồng thời chịu trách nhiệm giải trình về chuẩn đầu ra, điều kiện bảo đảm chất lượng, tính xác thực của kết quả đánh giá, dữ liệu đào tạo và quyền lợi hợp pháp của sinh viên.

3. Bảo đảm quyền học tập, quyền được tiếp cận thông tin, quyền được hỗ trợ học tập và quyền được đối xử công bằng của sinh viên.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, liêm chính học thuật, tuân thủ chuẩn mực đạo đức, nguyên tắc chuyên môn trong tổ chức, quản lý và thực hiện hoạt động đào tạo.

5. Tạo điều kiện để sinh viên học tập suốt đời, học tập linh hoạt, học tập cá thể hóa; công nhận và chuyển đổi kết quả học tập đã tích lũy theo quy định.

6. Bảo đảm sự thống nhất, liên thông trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và thúc đẩy khả năng liên thông, công nhận kết quả học tập với giáo dục đại học quốc tế.

7. Đối với chương trình đào tạo do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng, việc xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, đánh giá, cấp văn bằng và bảo đảm chất lượng thực hiện theo pháp luật về hợp tác, đầu tư, liên kết đào tạo với nước ngoài, thỏa thuận hợp tác hợp pháp giữa các bên và các quy định của Quy chế này nếu không trái với pháp luật có liên quan, đồng thời bảo đảm yêu cầu đầu vào và chuẩn đầu ra không thấp hơn quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Chương trình đào tạo và thời gian đào tạo (thời gian học tập)

1. Chương trình đào tạo được áp dụng thống nhất đối với các hình thức đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng sinh viên. Đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành đào tạo khác, khối lượng học tập phải thực hiện được xác định trên cơ sở công nhận hoặc chuyển đổi tín chỉ, miễn trừ học phần theo quy định của chương trình đào tạo và quy chế của Trường.

2. Chương trình đào tạo là những thông tin cơ bản mà sinh viên cần nắm vững trong quá trình học tập, bao gồm: trình độ đào tạo, mục tiêu đào tạo, đối tượng đào tạo, chuẩn đầu ra kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp của sinh viên khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức, cấu trúc của chương trình đào tạo; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập của các học phần; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đánh giá đối với học phần; điều kiện tốt nghiệp; các điều kiện thực hiện chương trình.

3. Chương trình đào tạo trình độ đại học là chương trình đào tạo bậc 6 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các học phần đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

a) Có khối kiến thức giáo dục đại cương, bao gồm các học phần bắt buộc, học phần bắt buộc sử dụng chung trong chương trình đào tạo trình độ đại học như lý luận chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc các học phần khác theo quy định hiện hành;

b) Có khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành (chuyên ngành và tốt nghiệp), nội dung chuyên sâu và các nội dung bổ trợ bao gồm cả kiến thức liên ngành, ngoại ngữ, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI) và các kiến thức, kỹ năng cần thiết khác nhằm đạt mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

c) Học phần là đơn vị học tập cấu thành cấu trúc chương trình đào tạo, được thiết kế với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá; có khối lượng học tập xác định và được lượng hóa bằng số lượng tín chỉ. Mỗi học phần của chương trình đào tạo được mô tả thông qua đề cương chi tiết, bao gồm: Mục tiêu; chuẩn đầu ra; số tín chỉ; nội dung chính; vai trò đóng góp trong việc thực hiện mục tiêu; chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các nội dung cần thiết khác (nếu có). Các loại học phần được quy định như sau:

- Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình đào tạo và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

- Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần/số tín chỉ quy định cho mỗi chương trình đào tạo.

- Ngoài việc được phân loại là bắt buộc hoặc tự chọn, Trường quy định các học phần có các khái niệm khác nhau để phục vụ cho công tác xây dựng, phát triển, cập nhật và quản lý chương trình đào tạo như sau:

+ Học phần chung là các học phần được giảng dạy chung cho tất cả các ngành theo quy định (Giáo dục quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất, các học phần lý luận chính trị, pháp luật...)

+ Học phần tiên quyết: Học phần tiên quyết đối với học phần A là học phần mà sinh viên phải học và thi đạt mới được đăng ký và theo học học phần A.

+ Học phần học trước: Học phần học trước đối với học phần A là học phần mà sinh viên phải hoàn thành quá trình học tập trước khi đăng ký và theo học học phần A.

+ Học phần song hành: Hai học phần được gọi là song hành khi sinh viên đăng ký học phần này thì bắt buộc phải đăng ký học phần kia.

+ Học phần thay thế: là học phần được sử dụng thay thế cho một học phần đã được thay đổi hoặc điều chỉnh, không còn tổ chức giảng dạy trong chương trình đào tạo.

+ Học phần tương đương: một học phần được gọi là tương đương với học phần A khi có nội dung kiến thức và thời lượng đáp ứng yêu cầu cơ bản của học phần A.

+ Học phần tự chọn định hướng: là học phần mà sinh viên phải chọn trong các học phần định hướng cho một ngành, chuyên ngành cụ thể.

d) Tín chỉ là đơn vị dùng để lượng hóa khối lượng học tập của người học, trong đó:

- Một (01) tín chỉ tương đương từ 45 đến 50 giờ học tập của người học được tính theo đơn vị 60 phút, bao gồm thời gian học trực tiếp, học trực tuyến, thực hành, thí nghiệm, thực tập, tự học có hướng dẫn, các hình thức học tập khác và kiểm tra, đánh giá;

- Đối với hoạt động giảng dạy trực tiếp theo lớp học, 01 tín chỉ được quy định bằng 15 tiết giảng dạy lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 15 hoặc 30 tiết giảng dạy bài tập; 30 tiết làm khóa luận tốt nghiệp, thực tập tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp, seminar tốt nghiệp, seminar chuyên ngành. Trong đó, 01 tiết giảng dạy trực tiếp trên lớp được thực hiện trong thời lượng 50 phút.

4. Trường công bố kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa của từng chương trình đào tạo đối với từng hình thức đào tạo, bảo đảm sinh viên hoàn thành chương trình trong thời gian đào tạo chuẩn theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo.

5. Thời gian đào tạo chuẩn trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy cấp bằng cử nhân là 04 năm học. Thời gian đào tạo chuẩn trình độ đại học hình thức đào tạo thường xuyên cấp bằng cử nhân là 05 năm học đối với văn bằng thứ nhất và 2,5 năm đối với văn bằng thứ hai.

6. Thời gian đào tạo tối thiểu để hoàn thành chương trình đào tạo không ít hơn hai phần ba (2/3) thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo. Thời gian đào tạo tối đa không vượt quá hai lần thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo. Tùy theo khả năng học tập, sinh viên được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian hoàn thành chương trình đào tạo như sau:

a) Sinh viên trình độ đại học hình thức chính quy cấp bằng cử nhân được phép rút ngắn tối đa 01 năm học và kéo dài tối đa không vượt quá 04 năm học so với kế hoạch học tập chuẩn.

b) Sinh viên trình độ đại học hình thức đào tạo thường xuyên cấp bằng cử nhân văn bằng thứ nhất được phép rút ngắn tối đa 1,5 năm học và kéo dài tối đa không vượt quá 05 năm học so với kế hoạch học tập chuẩn.

c) Sinh viên trình độ đại học hình thức đào tạo thường xuyên cấp bằng cử nhân văn bằng hai được phép rút ngắn tối đa 0,5 năm học (01 học kỳ) và kéo dài tối đa không vượt quá 2,5 năm học so với kế hoạch học tập chuẩn.

7. Căn cứ quy định về chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường sẽ ban hành các chương trình đào tạo của các ngành/nhóm ngành đào tạo.

8. Sinh viên được xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập cá nhân để hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian tối thiểu và thời gian tối đa theo quy định của Quy chế này.

Điều 4. Tổ chức đào tạo theo tín chỉ

1. Trường tổ chức đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ đối với các hình thức đào tạo. Đào tạo theo tín chỉ được thực hiện như sau:

a) Là cách thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường;

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

2. Chứng chỉ giáo dục đại học có thời hạn giá trị tối đa không vượt quá 2,0 lần thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo kể từ ngày được thi kết thúc học phần hoặc công nhận chứng chỉ. Sinh viên có chứng chỉ giáo dục đại học còn thời hạn quy định được Trường công nhận, thay thế học phần tương đương trong chương trình đào tạo.

Điều 5. Hình thức và phương thức tổ chức đào tạo

1. Hình thức đào tạo chính quy được quy định như sau:

a) Hoạt động giảng dạy có sự hiện diện đồng thời, tương tác trực tiếp giữa giảng viên và sinh viên, được tổ chức tập trung tại Trường trong khung giờ ban ngày chiếm trên 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo; phần được thực hiện theo phương thức tổ chức

đào tạo từ xa và phần thực hiện tại cơ sở phối hợp liên kết đào tạo trong nước và phần được công nhận, chuyển đổi tín chỉ cộng lại không làm cho khối lượng thực học trực tiếp tại Trường thấp hơn tỷ lệ nêu trên;

b) Sinh viên theo học tập trung toàn thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa và thời khóa biểu do Trường bố trí; được tuyển sinh theo kế hoạch chung cho tuyển sinh hình thức đào tạo chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

c) Khung giờ ban ngày và các điều kiện tổ chức giảng dạy trực tiếp, bảo đảm không thấp hơn yêu cầu tại điểm a khoản này tại văn bản hướng dẫn của trường.

2. Hình thức đào tạo thường xuyên:

a) Được tổ chức theo thời gian linh hoạt tại các địa điểm đào tạo đáp ứng điều kiện bảo đảm chất lượng và được cấp phép hoạt động. Các hoạt động đào tạo được thực hiện tại Trường hoặc cơ sở phối hợp đào tạo theo quy định của Quy chế này; hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và đào tạo theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa có thể được tổ chức tại địa điểm khác theo quy định của Trường;

b) Thời gian tổ chức hoạt động đào tạo do Trường quyết định phù hợp với chương trình đào tạo và đối tượng sinh viên.

3. Đối với hình thức đào tạo chính quy, hình thức đào tạo thường xuyên Trường có thể thực hiện một hoặc đồng thời các phương thức tổ chức đào tạo gồm: trực tiếp, từ xa; kết hợp giữa trực tiếp và từ xa. Hình thức đào tạo chính quy đồng thời phải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Phương thức tổ chức đào tạo từ xa phải đáp ứng các yêu cầu về việc ứng dụng công nghệ trong giáo dục đại học và các yêu cầu sau đây:

a) Trường có hệ thống tổ chức đào tạo từ xa bao gồm quy chế quản lý, bộ phận quản lý, đội ngũ giảng viên và nhân sự hỗ trợ, hệ thống quản lý học tập (LMS), hệ thống kiểm tra, đánh giá, hạ tầng kỹ thuật và thư viện số đáp ứng yêu cầu tổ chức đào tạo;

b) Hoạt động phương thức tổ chức đào tạo từ xa phải có hệ thống quản lý học tập, học liệu số, cơ chế xác thực danh tính sinh viên, cơ chế theo dõi tiến độ học tập, lưu trữ dữ liệu giảng dạy - học tập - đánh giá, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an toàn thông tin, liên chính học thuật và hỗ trợ kỹ thuật, học thuật cho sinh viên;

c) Giáo trình, học liệu, bài giảng điện tử, kế hoạch học tập, dữ liệu về hoạt động giảng dạy, học tập và kết quả đánh giá của sinh viên được quản lý, lưu trữ trên LMS theo quy định của pháp luật.

5. Trường công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường trước khi tuyển sinh. Nội dung công bố tối thiểu gồm: hình thức đào tạo; phương thức tổ chức đào tạo; chương trình thực hiện theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa phải công bố tỷ lệ thời lượng giảng dạy được tổ chức theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa; kế hoạch thực hiện chương trình đào tạo; danh mục học liệu chính, học liệu bổ trợ cho từng học phần; phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá; các điều kiện bảo đảm chất lượng phục vụ tổ chức đào tạo.

Chương II

KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Kế hoạch giảng dạy và học tập

1. Một năm học có 02 hoặc 03 học kỳ chính với tổng số tuần tối thiểu học trên lớp là 30 tuần học tập trên lớp, giảng dạy và hoạt động đào tạo theo kế hoạch. Ngoài các học kỳ chính, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ. Kế hoạch năm học của Trường được tổ chức như sau:

a) Đối với hệ chính quy chương trình đại trà (chương trình chuẩn) và chương trình cử nhân tài năng: Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có 15 tuần học tập trên lớp. Ngoài hai học kỳ chính, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ hè để sinh viên có điều kiện được học lại, học cải thiện hoặc học vượt. Mỗi học kỳ hè có ít nhất 05 tuần học tập trên lớp.

b) Đối với hệ chính quy chương trình tiên tiến, chất lượng cao, tăng cường tiếng Anh: Một năm học có 03 học kỳ chính với tổng số tối thiểu 30 tuần học tập trên lớp.

c) Đối với hệ từ xa: Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có 15 tuần học tập trên lớp. Ngoài hai học kỳ chính, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ hè để sinh viên có điều kiện được học lại, học cải thiện hoặc học vượt. Mỗi học kỳ hè có ít nhất 05 tuần học tập trên lớp.

d) Kế hoạch năm học thể hiện những mốc thời gian chính của các hoạt động đào tạo trong năm học cho tất cả hình thức, chương trình đào tạo, được công bố kịp thời tới các bên liên quan trước khi bắt đầu năm học.

2. Kế hoạch học kỳ bao gồm kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc từ xa), lịch học, lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khóa học, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo. Kế hoạch học kỳ phải được xây dựng và công bố tối thiểu trước 04 tuần bắt đầu ngày học chính thức.

3. Thời khóa biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khóa học, hình thức và chương trình đào tạo. Thời khóa biểu của các lớp học được bố trí đều trong các buổi trong tuần của học kỳ.

Điều 7. Tổ chức đăng ký học tập

1. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, Trường hướng dẫn sinh viên đăng ký học tập (sau đây gọi là đăng ký học phần) trên các hệ thống đăng ký học phần.

2. Sinh viên phải theo dõi thông báo/hướng dẫn để nắm rõ thông tin về thời gian đăng ký học phần, thời gian điều chỉnh đăng ký học phần, cách thức đăng ký học phần, lớp học của các học phần mở trong học kỳ... để đăng ký học phần dự định sẽ học trong học kỳ.

3. Số tín chỉ được đăng ký trong một học kỳ là tổng số tín chỉ của các học phần tham gia vào tính điểm trung bình và trung bình tích lũy (không kể giáo dục quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất và các học phần bổ trợ khác). Tổng số tín chỉ của các học phần trong một học kỳ được tính bao gồm: Số tín chỉ của học phần đăng ký mới, học phần học

lại và học phần đã đạt (để cải thiện điểm, nếu có).

4. Kết quả đăng ký học phần của mỗi sinh viên được thông báo trên hệ thống quản lý đăng ký học phần của Trường. Kết quả đăng ký học phần ghi rõ tên học phần, mã học phần, mã lớp, số tín chỉ của mỗi học phần.

5. Sinh viên không tham gia học và thi các học phần đã đăng ký được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm không (điểm 0) trừ trường hợp sinh viên được phép hoãn thi tại Điều 14 Quy chế này.

6. Số tín chỉ tối thiểu, tối đa được đăng ký trong học kỳ

a) Số tín chỉ tối thiểu được đăng ký trong một học kỳ chính như sau:

- Đối với hệ chính quy chương trình tiên tiến: Tối thiểu là 09 tín chỉ.
 - Đối với hệ chính quy chương trình chất lượng cao và tăng cường tiếng Anh: Tối thiểu là 08 tín chỉ.
 - Đối với hệ chính quy chương trình đại trà, cử nhân tài năng: Tối thiểu là 12 tín chỉ.
- Ngoại trừ học kỳ cuối khóa hoặc các trường hợp từ năm thứ năm và Trường không mở đủ học phần để đăng ký.

b) Số tín chỉ tối đa được đăng ký trong học kỳ chính như sau:

- Đối với hệ chính quy chương trình tiên tiến, chất lượng cao, tăng cường tiếng Anh: tối đa là **20** tín chỉ.
- Đối với hệ chính quy chương trình đại trà và cử nhân tài năng: tối đa là **25** tín chỉ.
- Số tín chỉ đăng ký học tối đa trong học kỳ hè (chương trình đại trà, cử nhân tài năng) là **12** tín chỉ.
- Trong trường hợp sinh viên có học lực từ loại Khá trở lên, sinh viên có thể đăng ký vượt quá số tín chỉ tối đa nếu được trường khoa đồng ý và Hiệu trưởng chấp thuận.

c) Đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình, tổng số tín chỉ đăng ký tối đa cho mỗi học kỳ chính là **37** tín chỉ, mỗi học kỳ hè không vượt quá **15** tín chỉ.

7. Trách nhiệm của sinh viên

a) Chủ động theo dõi kết quả đăng ký học phần để xác nhận hoặc điều chỉnh nếu có.

b) Thực hiện đầy đủ các yêu cầu như lên lớp, làm bài tập, thực hành, thí nghiệm, tham gia thảo luận, dự kiểm tra thường kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Học sinh trung học phổ thông thuộc đối tượng được miễn thi tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã hoàn thành và đạt kết quả học tập xếp loại tốt năm học lớp 10, 11 cấp học trung học phổ thông, được phép đăng ký học tích lũy tín chỉ giáo dục đại học theo quy định của Trường. Kết quả học tập của học sinh tích lũy tại Trường được xem xét công nhận vào chương trình đào tạo trình độ đại học sau khi người học đáp ứng điều kiện trúng tuyển hoặc được công nhận là sinh viên của Trường, đồng thời kết quả học tập phải còn phù hợp với chuẩn đầu ra và thời hạn giá trị. Trường có văn bản hướng dẫn cụ thể trong trường hợp có triển khai (nếu có).

Điều 8. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Yêu cầu về tổ chức giảng dạy và học tập

- a) Phát huy năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên, phù hợp với quy định về chế độ làm việc của giảng viên;
- b) Phát huy vai trò chủ động đồng thời đề cao trách nhiệm của sinh viên, tạo điều kiện và động lực để sinh viên nỗ lực học tập; giữ vững kỷ cương học đường, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo;
- c) Có cơ chế kiểm tra, giám sát nội bộ và có hệ thống cải tiến chất lượng dựa trên thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của sinh viên.

2. Phương thức tổ chức đào tạo

- a) Trường tổ chức các lớp học theo phương thức trực tiếp, từ xa khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất, điều kiện bảo đảm chất lượng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa tương đương lớp học phương thức trực tiếp;
- b) Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tổ chức lớp học

- a) Lớp học phần: Là lớp học bao gồm những sinh viên theo học cùng một học phần trong cùng một khoảng thời gian và cùng một giảng viên tạo thành một lớp học phần. Mỗi lớp học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định. Hiệu trưởng quy định số lượng tối thiểu, tối đa cho mỗi lớp học phần tùy theo từng loại học phần. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu thì lớp học sẽ không được tổ chức.
- b) Lớp sinh hoạt: Bao gồm những sinh viên cùng khoá tuyển, cùng ngành và cùng chương trình đào tạo được tổ chức thành một lớp sinh hoạt, số lượng sinh viên của mỗi lớp sinh hoạt theo quy định về quản lý sinh viên.

Điều 9. Quản lý chất lượng đào tạo và dữ liệu đào tạo

- 1. Trường thiết lập và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong đối với hoạt động đào tạo trình độ đại học; định kỳ rà soát chương trình đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo, hoạt động đánh giá, điều kiện bảo đảm chất lượng và kết quả đầu ra của sinh viên.
- 2. Trường quản lý đầy đủ, chính xác, an toàn dữ liệu về tuyển sinh, đăng ký học tập, quá trình học tập, đánh giá, công nhận tín chỉ, cảnh báo học tập, kỷ luật, tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ và tình trạng việc làm sau tốt nghiệp; cập nhật dữ liệu theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- 3. Trường chịu trách nhiệm cung cấp, cập nhật dữ liệu; thực hiện giải trình, khắc phục, xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 10. Đánh giá học phần

1. Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu ba điểm thành phần trong đó điểm thi cuối kỳ có trọng số tối thiểu 50%, đối với các học phần có khối lượng học tập nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể được đánh giá qua hai điểm thành phần, đối với đồ án tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp có thể chỉ có một điểm đánh giá. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10 cần đáp ứng được việc đánh giá các chuẩn đầu ra học phần, chương trình đào tạo. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ phê duyệt đề cương.

2. Điểm quá trình và điểm thi cuối kỳ được quy định như sau:

a) Điểm quá trình bao gồm tối thiểu hai điểm thành phần, điểm thành phần được đánh giá theo các hình thức như sau: Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; Điểm đánh giá tham gia thảo luận; Điểm tổng hợp đánh giá các bài thực hành/thực tập; Điểm bài tập lớn; Điểm chuyên cần; Điểm kiểm tra giữa học kỳ; Điểm báo cáo seminar.

b) Điểm thi cuối kỳ (điểm kết thúc học phần): Điểm thi cuối kỳ được đánh giá theo các hình thức sau đây: Thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận); Thi vấn đáp; Báo cáo chuyên đề/tiểu luận/đồ án; Thi trực tiếp tại Trường theo quy định. Trong trường hợp bất khả kháng do thiên tai hoặc dịch bệnh, đánh giá cuối học kỳ theo hình thức thi viết có thể được tổ chức bằng phương thức trực tuyến; Hiệu trưởng quyết định lựa chọn đánh giá cuối học kỳ bằng phương thức trực tuyến thay cho phương thức trực tiếp theo quy định, bảo đảm trung thực, công bằng và khách quan như khi đánh giá trực tiếp.

3. Đối với loại học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm tổng hợp đánh giá học phần là các điểm thành phần bao gồm: Điểm các bài thực hành trong học kỳ, điểm chuyên cần, điểm bài thi thực hành cuối kỳ.

4. Việc tổ chức thi, kiểm tra, thời gian thi, việc làm đề thi, coi thi, chấm thi, phúc tra, bảo quản bài thi và quy định liên quan khác sẽ được công bố tại quy định về công tác khảo thí của Trường do Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thực hiện.

5. Việc đánh giá kết quả học theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần; riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận được thực hiện từ xa khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;

b) Hình thức bảo vệ và đánh giá từ xa được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và sinh viên;

c) Diễn biến của buổi bảo vệ từ xa được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

Điều 11. Tính điểm học phần

1. Điểm học phần theo thang điểm 10, là điểm cuối cùng để đánh giá kết quả của một học phần, được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn đến một chữ số thập phân và được quy đổi theo thang điểm 4 và thang điểm chữ theo các mốc điểm như sau:

Thang điểm 10	Thang điểm 4	Thang điểm chữ
9,0 đến 10,0	4,0	A+
8,0 đến cận 9,0	3,5	A
7,0 đến cận 8,0	3,0	B+
6,0 đến cận 7,0	2,5	B
5,0 đến cận 6,0	2,0	C
4,0 đến cận 5,0	1,5	D+
3,0 đến cận 4,0	1,0	D
<3,0	0,0	F

2. Đối với các học phần đã hoàn tất đăng ký, sinh viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và nghiêm túc mọi yêu cầu của giảng viên về việc lên lớp, làm bài tập, thực hành, thí nghiệm, tham gia thảo luận, tham dự kiểm tra giữa học kỳ và thi kết thúc học phần. Nếu không thực hiện phần việc nào, sinh viên sẽ nhận điểm không (0) cho điểm thành phần tương ứng.

3. Học phần có điểm từ 5,0 (năm điểm) trở lên được xem là học phần đạt. Số tín chỉ của học phần này có được tính là số tín chỉ tích lũy hay không sẽ được quy định trong chương trình đào tạo cụ thể theo chương trình và ngành đào tạo.

4. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0 (không) đối với điểm thành phần/hình thức kiểm tra tương ứng. Trường hợp sinh viên vắng mặt trong buổi thi cuối học kỳ nhưng có nộp đơn xin phép vắng thi và có lý do chính đáng sẽ được hoãn thi theo quy định tại Điều 14 của quy chế này.

5. Loại học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập: Học phần có điểm từ 5,0 (năm điểm) trở lên được xem là học phần đạt.

6. Học phần có điểm dưới 5,0 (năm điểm) được xem là học phần không đạt.

7. Một số trường hợp đặc biệt không được tính vào điểm trung bình học tập

a) I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi.

b) M: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

Điều 12. Tổ chức xét cho sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, thực tập tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp

1. Xét làm khóa luận tốt nghiệp, thực tập tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp

Vào đầu học kỳ cuối khoá học, căn cứ vào nguyện vọng và kết quả học tập của sinh viên, trưởng khoa phụ trách đào tạo tổ chức xét và lập danh sách sinh viên được làm khóa luận tốt nghiệp/thực tập tốt nghiệp/dự án tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp như sau:

- a) Làm khoá luận tốt nghiệp có khối lượng 10 tín chỉ.
- b) Làm đồ án tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp, thực tập tốt nghiệp và học một số học phần chuyên ngành định hướng nghề nghiệp có khối lượng tổng cộng 10 tín chỉ.
- c) Trường hợp sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, thực tập tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp thì có thể chọn học một số học phần chuyên ngành định hướng nghề nghiệp có khối lượng tổng cộng 10 tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo.
- d) Điều kiện làm khóa luận hoặc đồ án tốt nghiệp dựa vào các tiêu chí như sau:
 - Sinh viên các chương trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp trong thời gian là một học kỳ sau khi đã tích lũy ít nhất 110 tín chỉ, riêng đối với sinh viên chương trình tiên tiến sinh viên phải tích lũy tối thiểu 140 tín chỉ (không kể Giáo dục quốc phòng - an ninh, Giáo dục thể chất và các học phần không tín số tín chỉ tích lũy trong kết quả học tập).
 - Điểm trung bình tích lũy của khóa học và tiêu chí khác theo quy định của khoa phụ trách đào tạo.
- 2. Tùy vào đặc điểm của ngành đào tạo và số lượng giảng viên hướng dẫn, khoa phụ trách có thể quy định số tín chỉ tối thiểu để làm khóa luận cao hơn quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.
- 3. Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp có thể được giao đề tài sớm hơn thời điểm bắt đầu học kỳ mà sinh viên thực hiện khóa luận.

Điều 13. Đánh giá khóa luận tốt nghiệp, thực tập tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp

- 1. Đánh giá khóa luận tốt nghiệp, thực tập tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp được thực hiện bởi Hội đồng đánh giá. Hội đồng đánh giá do Hiệu trưởng ký quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của khoa phụ trách đào tạo. Hội đồng đánh giá đồ án tốt nghiệp/dự án tốt nghiệp/khóa luận tốt nghiệp có từ 03 đến 05 thành viên, gồm 01 chủ tịch, 01 thư ký, tối thiểu 01 ủy viên/ủy viên phản biện.
- 2. Thành viên của Hội đồng đánh giá là giảng viên của trường hoặc có thể mời giảng viên có chuyên môn phù hợp ở ngoài trường. Thành viên Hội đồng không đồng thời là giảng viên hướng dẫn hoặc giảng viên phản biện. Trường hợp đặc biệt khác với quy định này, trưởng khoa phụ trách đào tạo phải xin ý kiến của Hiệu trưởng và giải trình khi có phát sinh khiếu nại.
- 3. Điểm đánh giá khóa luận tốt nghiệp, thực tập tốt nghiệp, dự án tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp được tính theo thang điểm 10 và được làm tròn đến một chữ số thập phân, là điểm trung bình cộng không tính hệ số của tất cả thành viên bao gồm: Chủ tịch Hội đồng, các ủy viên, thư ký, người hướng dẫn và người phản biện. Trong trường hợp người phản biện và ủy viên phản biện cùng 01 người thì chỉ được tính một cột điểm hệ số 1. Nếu các Khoa có quy định khác về điểm tổng kết đánh giá khóa luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp so với cách tính này thì quy định về cách tính điểm này của Khoa phải được đề xuất bằng văn bản và được Hiệu trưởng phê duyệt.

4. Kết quả đánh giá phải được công bố ngay sau buổi bảo vệ, được tính vào điểm trung bình chung và trung bình tích lũy theo tổng số tín chỉ của khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp.

5. Tổ chức bảo vệ và đánh giá khóa luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp được thực hiện trực tuyến trong trường hợp bất khả kháng do thiên tai hoặc dịch bệnh, Hiệu trưởng quyết định cho phép tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp theo phương thức trực tuyến thay cho phương thức trực tiếp theo quy định hiện hành.

Điều 14. Hoãn thi

1. Những trường hợp đột xuất và có lý do chính đáng (ví dụ như: ốm đau, tai nạn, hoàn cảnh khó khăn đột xuất) không thể dự thi cuối học kỳ, sinh viên sẽ được xem xét giải quyết cho hoãn thi.

2. Điểm của học phần hoãn thi được ký hiệu I (điểm I). Để được nhận điểm I, sinh viên phải hoàn tất học phí học kỳ và nộp đơn trình bày rõ lý do xin hoãn thi học phần cùng các giấy tờ xác nhận cần thiết cho Phòng Đào tạo trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày thi để được xem xét.

3. Đối với trường hợp đặc biệt bất khả kháng, Trưởng phòng Đào tạo xem xét việc cho gia hạn thêm thời gian nộp hồ sơ. Trong thời gian chưa nộp hồ sơ, bảng điểm vẫn được ghi nhận là vắng thi.

4. Sinh viên sẽ không bị điểm không (0) đối với học phần được xét nhận điểm I ở học kỳ đó. Sinh viên phải đăng ký học lại học phần hoãn thi trong vòng một năm học kế tiếp theo thông báo đăng ký học phần của Trường. Sinh viên không phải đóng học phí học phần được điểm I khi được xét đăng ký học lại học phần này nếu đăng ký học lại trong vòng một năm học tiếp theo (không tính thời gian sinh viên có quyết định xin tạm dừng học tập sau thời gian được hoãn thi).

5. Đối với kiểm tra lấy điểm quá trình, trong trường hợp sinh viên vắng kiểm tra có lý do chính đáng thì giảng viên phụ trách giảng dạy sẽ chủ động giải quyết cho sinh viên được kiểm tra lại vào thời điểm khác trong khoảng thời gian trước ngày thi cuối học kỳ của học phần đó. Điểm thành phần của học phần hoãn thi sẽ không được bảo lưu.

Điều 15. Học lại và học cải thiện điểm

1. Học lại

a) Sinh viên có điểm học phần không đạt phải đăng ký học lại, điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần

b) Đối với các học phần bắt buộc có điểm học phần dưới năm (5,0) sinh viên phải đăng ký học lại.

c) Đối với các học phần tự chọn có điểm học phần dưới năm (5,0) sinh viên được phép đăng ký học lại học phần đó hoặc chọn học phần khác thay thế trong số các học phần tự chọn được quy định cho mỗi chương trình đào tạo.

2. Học cải thiện điểm

a) Đối với các học phần đã đạt nhưng muốn cải thiện điểm thì sinh viên phải đăng ký học lại và nộp học phí theo quy định. Điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần (không được nhận lại điểm các lần trước nếu điểm lần cuối cùng thấp hơn).

b) Tùy vào điều kiện giảng dạy thực tế đối với các học phần, Trường sẽ quy định cụ thể các học phần không được học cải thiện (nếu có).

c) Điểm cải thiện không được sử dụng vào việc tính điểm trung bình học kỳ để xét học bổng khuyến khích học tập nhưng được tính vào điểm trung bình và điểm trung bình tích lũy.

Điều 16. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học, khóa học

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ, sau từng năm học, hoặc khóa học dựa trên kết quả các học phần thuộc chương trình đào tạo theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc từ đầu khóa học;

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ.

2. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá theo hai cách tính điểm trung bình như sau:

a) Điểm trung bình: Là điểm trung bình của những học phần có quy định trong chương trình đào tạo được tham gia tính điểm mà sinh viên đã học trong một học kỳ, trong một năm học hoặc tính từ đầu khóa học được tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

b) Điểm trung bình tích lũy: Là điểm trung bình của những học phần có quy định trong chương trình đào tạo được tham gia tính điểm mà sinh viên đã đạt trong một học kỳ, trong một năm học hoặc tính từ đầu khóa học được tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

c) Không tính kết quả thi vào điểm trung bình hoặc điểm trung bình tích lũy đối với các học phần sau đây:

- Giáo dục quốc phòng - an ninh;
- Giáo dục thể chất;
- Ngoại ngữ (tổng quát);
- Tin học cơ sở;
- Các học phần khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

d) Việc đánh giá kết quả hoặc quy định về chứng chỉ đối với các học phần tại điểm c Điều này theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và của Trường.

3. Cách tính điểm trung bình và xếp loại

a) Điểm trung bình hoặc điểm trung bình tích lũy của học kỳ, năm học, khóa học được tính theo công thức sau:



$$A = \frac{\sum_{i=1}^N a_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình

a_i là điểm học phần của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

N là tổng số học phần

b) Điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy được sử dụng để xét thôi học, xét cảnh báo học tập, xếp loại học lực và xếp hạng tốt nghiệp. Kết quả học tập học kỳ và kết quả tốt nghiệp áp dụng cho sinh viên trình độ đại học các khóa tuyển được phân loại theo điểm như sau:

Điểm trung bình	Xếp loại/hạng
a. Loại đạt	
Từ 9,0 đến 10	Xuất sắc
Từ 8,0 đến cận 9,0	Giỏi
Từ 7,0 đến cận 8,0	Khá
Từ 6,0 đến cận 7,0	Trung bình khá
Từ 5,0 đến cận 6,0	Trung bình
b. Loại không đạt	
Từ 4,0 đến cận 5,0	Yếu

4. Sinh viên được xếp trình độ theo năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- Trình độ năm thứ nhất: $N < M$;
- Trình độ năm thứ hai: $M \leq N < 2M$;
- Trình độ năm thứ ba: $2M \leq N < 3M$;
- Trình độ năm thứ tư: $3M \leq N < 4M$.

Điều 17. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ

1. Cuối năm học, sinh viên được cảnh báo học tập nếu thuộc trường hợp như sau: Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 2,00 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 2,50 đối với các học kỳ tiếp theo (tính theo thang điểm 10).

2. Sinh viên bị buộc thôi học khi vi phạm một trong các trường hợp như sau:

- Bị cảnh báo học tập quá ba lần liên tiếp;
- Thời gian học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Quy chế này.
- Bị kỷ luật ở mức bị buộc thôi học theo các quy định hiện hành;

3. Trường sẽ thông báo cho sinh viên danh sách buộc thôi học theo quy định.

4. Kết quả học tập đã tích lũy của sinh viên trong trường hợp sinh viên bị buộc thôi học được lưu trữ tại Trường. Sinh viên được yêu cầu Trường cung cấp bảng điểm kết quả học tập đã tích lũy trong trường hợp đã hoàn thành nghĩa vụ học phí và các nghĩa vụ liên quan khác theo quy định (nếu có).

Điều 18. Chứng chỉ giáo dục đại học, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Kết quả tích lũy được sử dụng làm căn cứ công nhận, chuyển đổi kết quả học tập trong cùng Trường hoặc khi chuyển chương trình đào tạo, chuyên ngành, chuyển Trường, chuyển hình thức học theo quy định của Trường. Trường xác nhận, cấp chứng chỉ giáo dục đại học cho sinh viên hoàn thành học phần hoặc một phần của chương trình đào tạo.

2. Chứng chỉ giáo dục đại học có thời hạn giá trị tối đa không vượt quá 2,0 lần thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo kể từ ngày được thi kết thúc học phần hoặc công nhận chứng chỉ.

3. Kết quả học tập của sinh viên đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một Trường khác được Trường xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học dựa trên khối lượng học tập, nội dung chuyên môn, chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định như sau:

a) Nếu được chấp thuận thì học phần được miễn sẽ có điểm mà sinh viên đã đạt trước đây và kèm theo chữ bảo lưu (BL). Trường hợp điểm cụ thể không xác định, học phần được miễn sẽ có điểm được ký hiệu M (điểm M).

b) Điểm bảo lưu (BL) và điểm miễn (M) không tính vào điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

c) Khối lượng tối đa được công nhận chuyển đổi không vượt quá 25% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo. Đối với trường hợp các học phần tích lũy tại Trường, khối lượng tối đa được công nhận chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo.

d) Trong một số trường hợp, trưởng khoa phụ trách đào tạo có thể tổ chức đánh giá bổ sung đối với học phần được công nhận chuyển đổi tín chỉ.

e) Thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Trường.

4. Sinh viên được Trường xem xét công nhận để chuyển đổi tín chỉ của các học phần trên cơ sở kết quả học tập theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa hoặc các kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm mà sinh viên đã tích lũy được thông qua quá trình học tập làm việc khi bảo đảm:

a) Phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung và yêu cầu của chương trình đào tạo;

b) Việc công nhận và chuyển đổi tín chỉ phải được thực hiện trên cơ sở đánh giá học thuật, bảo đảm công bằng, minh bạch và chất lượng chương trình đào tạo, thời hạn sử dụng công nhận kết quả học tập, chứng chỉ;

c) Phù hợp với các quy định của Trường về điều kiện, tiêu chí đánh giá; quy trình xét công nhận; thời hạn hiệu lực của kết quả học tập; giới hạn số tín chỉ được công nhận; các

trường hợp phải đánh giá bổ sung; thẩm quyền quyết định và cơ chế giải quyết khiếu nại;

d) Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ phải dựa trên đối sánh chuẩn đầu ra, khối lượng học tập, nội dung học tập, mức độ tương đương về đánh giá, điều kiện bảo đảm chất lượng và tính xác thực của kết quả học tập; kết quả công nhận không làm giảm yêu cầu chất lượng hoặc thay đổi chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

5. Trường quy định cụ thể về việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ tại các văn bản hướng dẫn cho sinh viên.

Điều 19. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và tổng số tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo và được xếp loại học lực từ trung bình trở lên;

c) Đã hoàn tất đủ các học phần Giáo dục quốc phòng (có chứng chỉ GDQP- An ninh) và Giáo dục thể chất;

d) Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của Trường;

e) Đạt chuẩn trình độ tin học của chương trình đào tạo mà sinh viên theo học;

f) Thỏa các quy định tại quy chế này.

2. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng Trường công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp theo Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân hiện hành tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Trường.

3. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16 của Quy chế này, trong đó, hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Khối lượng của các học phần phải học lại quá 10% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo;

b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học;

c) Sinh viên vi phạm các quy định về liêm chính học thuật, liêm chính khoa học theo quy định hiện hành.

4. Sinh viên không tốt nghiệp:

a) Được cấp bằng điểm các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo;

b) Được xác nhận đã tham gia học tập các học phần trong chương trình đào tạo của Trường.

5. Quy trình, thủ tục xét và công nhận tốt nghiệp

a) Sinh viên thực hiện thủ tục nộp hồ sơ xét tốt nghiệp ngay sau khi đủ điều kiện tốt nghiệp tại khoản 1 Điều 19 theo thông báo xét tốt nghiệp của Trường. Trường chỉ xét và công nhận tốt nghiệp trong thời gian đào tạo tối đa của khóa học tại khoản 6 Điều 3 Quy chế này.

b) Sinh viên được phép xin hủy điểm đối với các học phần tự chọn nếu không ảnh hưởng đến điều kiện được công nhận tốt nghiệp. Sinh viên nộp đơn xin hủy điểm tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị xét tốt nghiệp.

c) Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp để điều hành công tác xét tốt nghiệp. Thành phần của Hội đồng xét tốt nghiệp gồm có: Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng; Phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo là Phó chủ tịch Hội đồng; Trưởng phòng Đào tạo làm ủy viên thường trực; các thành viên khác là trưởng khoa phụ trách đào tạo, các Phó Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Công tác sinh viên và các thành viên liên quan làm ủy viên.

d) Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Ban thư ký Hội đồng xét tốt nghiệp để thực hiện công tác nhận và kiểm tra hồ sơ tốt nghiệp, xét tốt nghiệp, công bố danh sách tốt nghiệp, in và cấp phát bằng tốt nghiệp. Thành phần của Ban thư ký gồm có: Trưởng Ban thư ký là Trưởng phòng Đào tạo, các phó trưởng ban là các Phó Trưởng phòng Đào tạo; các thành viên liên quan là ủy viên.

e) Căn cứ kết quả xét tốt nghiệp và đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện theo quy định.

Chương IV

CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUÁ TRÌNH HỌC TẬP, XỬ LÝ VI PHẠM CỦA SINH VIÊN

Điều 20. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Sinh viên được xem xét nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau và không tính vào thời gian đào tạo tối đa của chương trình đào tạo:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b) Được điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế hoặc thực hiện nhiệm vụ quốc gia, quốc tế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;
- c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế.

2. Sinh viên xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học vì lý do cá nhân khác (không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này) nếu đã học tối thiểu 01 học kỳ ở Trường và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân trong trường hợp này sẽ được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 6 Điều 3 của Quy chế này.

3. Sinh viên bị buộc thôi học hoặc xin thôi học, nếu có nguyện vọng quay trở lại học, phải tham gia dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

4. Trường quy định cụ thể về điều kiện, thẩm quyền, trình tự xét nghỉ học tạm thời, lý do cá nhân khác để xét nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả, tiếp nhận trở lại học và cho thôi học; việc bảo lưu và công nhận kết quả học tập đã tích lũy đối với sinh viên xin thôi học tại các văn bản hướng dẫn cho sinh viên.

GIÁ
RƯỜNG
AI HỌC
OA HỌC
NHIÊN
★

Điều 21. Chuyển ngành, chuyển chương trình, chuyển trường, chuyển hình thức đào tạo

1. Sinh viên được chuyển ngành nếu cùng một nhóm ngành đào tạo theo quy định mỗi khóa tuyển sinh tương ứng (nhóm ngành quy định trong thông tin/đề án tuyển sinh), sinh viên chương trình đại trà (chương trình chuẩn) được xem xét chuyển sang học chương trình tiên tiến, chất lượng cao, hoặc tăng cường tiếng Anh hoặc ngược lại trong cùng một ngành/nhóm ngành đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:

a) Sinh viên đã đạt trình độ năm thứ nhất và không là sinh viên năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt đầy đủ các điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành/nhóm ngành đào tạo trong cùng khóa tuyển sinh;

c) Trường đáp ứng đầy đủ điều kiện bảo đảm chất lượng của chương trình đào tạo trong toàn bộ thời gian tổ chức đào tạo và số lượng người học không vượt năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định xác định số lượng tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của trưởng khoa phụ trách chương trình, ngành đào tạo và của Hiệu trưởng.

2. Sinh viên được xem xét chuyển cơ sở đào tạo khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Sinh viên đã đạt trình độ năm thứ nhất và không là sinh viên năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt đầy đủ các điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

c) Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo mà sinh viên chuyển đến theo quy định xác định số lượng tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng Trường xin chuyển đi và Trường xin chuyển đến.

3. Thủ tục xin chuyển trường:

a) Sinh viên làm đơn xin học tại trường muốn chuyển đến.

b) Sinh viên nộp hồ sơ cho trường đang theo học gồm: đơn xin chuyển trường và minh chứng đã được tiếp nhận của Hiệu trưởng trường xin chuyển đến.

c) Trường có sinh viên xin chuyển đi tiếp nhận hồ sơ, xem xét và ra quyết định cho chuyển trường theo quy định.

d) Hiệu trưởng trường tiếp nhận ra quyết định thu nhận sinh viên, thực hiện công nhận các môn học đã tích lũy theo quy định.

4. Sinh viên được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy sang hình thức đào tạo thường xuyên của trường nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến.

5. Thời gian học được phép học tối đa đối với sinh viên chuyển đến là thời gian tối đa hoàn thành khóa học tương ứng theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Quy chế này.

Điều 22. Trao đổi sinh viên và hợp tác đào tạo

1. Về việc công nhận chứng chỉ giáo dục đại học, tín chỉ làm căn cứ cho phép sinh viên của cơ sở đào tạo được học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác và ngược lại, kể cả các cơ sở đào tạo nước ngoài (sau đây gọi là trao đổi sinh viên) theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Trường.

2. Điều kiện trao đổi sinh viên, hợp tác đào tạo, việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi số lượng chứng chỉ giáo dục đại học, trách nhiệm công nhận tín chỉ khi cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ tại cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, số tín chỉ cho sinh viên khi thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Trường.

Điều 23. Học cùng lúc hai chương trình

1. Đối với phương thức đào tạo theo tín chỉ, sinh viên có thể đăng ký học thêm các học phần của một chương trình khác, ngành khác khi điều kiện của Trường cho phép.

2. Trường chỉ tổ chức đào tạo chương trình thứ hai cho sinh viên khi đáp ứng các yêu cầu như sau:

- a) Yêu cầu bảo đảm chất lượng về số lượng tuyển sinh, năng lực đào tạo;
- b) Có quy định chi tiết về quy trình, điều kiện đăng ký học và cấp bằng tốt nghiệp chương trình thứ hai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

3. Quy trình, điều kiện đăng ký học và cấp bằng tốt nghiệp chương trình thứ hai theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Trường.

Điều 24. Học chương trình tích hợp trình độ đại học và trình độ thạc sĩ

1. Trường quy định khối lượng học tập tối đa của học phần trình độ thạc sĩ được sinh viên tích lũy trong giai đoạn cuối của chương trình đào tạo tích hợp đại học và thạc sĩ; quy định trường hợp sinh viên không tiếp tục hoặc không đủ điều kiện học chương trình thạc sĩ.

2. Sinh viên tham gia chương trình tích hợp được tư vấn học thuật, thông tin đầy đủ về học phí, tiến độ học tập, điều kiện duy trì, điều kiện chuyển ra khỏi chương trình và quyền lợi liên quan.

3. Sinh viên thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy được phép đăng ký học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cùng nhóm ngành đào tạo khi đạt ít nhất 3/4 khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo trình độ đại học ban đầu và có điểm trung bình tích lũy đạt khá trở lên.

4. Sinh viên được cấp bằng cùng lúc trình độ đại học và trình độ thạc sĩ khi đáp ứng chuẩn đầu ra và yêu cầu cần đạt của từng giai đoạn và toàn bộ quá trình đào tạo.

5. Quy định chi tiết quy trình sinh viên đăng ký học vượt chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ; yêu cầu tiên quyết để được học vượt các học phần đối với các chương trình đào tạo chuyên sâu sẽ do Phòng Đào tạo Sau đại học của Trường thực hiện.



Điều 25. Xử lý vi phạm đối với sinh viên

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi, vi phạm của sinh viên và các quy định hiện hành, Trường quy định chi tiết quy trình thực hiện, hình thức kỷ luật theo quy định công tác sinh viên và quy định công tác khảo thí của Trường đối với các hành vi, vi phạm như sau:

1. Nhóm hành vi gian lận trong quá trình thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, liên chính học thuật, liên chính khoa học.
2. Nhóm hành vi gian lận ở mức độ nghiêm trọng (có tổ chức hoặc dùng công nghệ): hồ sơ học tập, nhờ người khác thi hộ hoặc đi thi hộ cho người khác, sử dụng trái phép trí tuệ nhân tạo (AI), công cụ số, phương tiện công nghệ để gian lận, mua hoặc bán bài tập, đề án, khóa luận tốt nghiệp, can thiệp trái phép vào LMS hoặc hệ thống điểm.
3. Nhóm hành vi sử dụng hồ sơ và văn bằng giả, chứng chỉ giả (ngoại ngữ, tin học, bằng tốt nghiệp THPT...) để làm điều kiện trúng tuyển (đầu vào); làm điều kiện xét tốt nghiệp (đầu ra); với nhóm hành vi này Trường thực hiện đối soát dữ liệu văn bằng, chứng chỉ đầu vào của sinh viên với Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học ngay khi nhập học.
4. Các hành vi khác theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có).

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này là căn cứ để Hiệu trưởng ban hành các văn bản quy trình, văn bản hướng dẫn cụ thể về tổ chức, quản lý đào tạo trình độ đại học.
2. Căn cứ Quy chế này và các quy định hiện hành khác có liên quan, Hiệu trưởng chỉ đạo các đơn vị tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho sinh viên quy chế của Trường và các quy định liên quan đến quá trình học tập, các quy định về nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên ngay đầu khóa học.
3. Trường quy định các nội dung về việc thiết lập và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong đối với hoạt động đào tạo trình độ đại học; thường xuyên theo dõi, đánh giá, sử dụng kết quả phản hồi của sinh viên, giảng viên, người sử dụng lao động và các bên liên quan để cải tiến chương trình đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo và điều kiện bảo đảm chất lượng.

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quy định này áp dụng cho các khóa tuyển từ năm học 2026-2027.
2. Đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2025 trở về trước, Trường lựa chọn áp dụng quy định mới có lợi hơn cho người học trong hoạt động đào tạo và phải bảo đảm điều kiện chất lượng và trách nhiệm giải trình.
3. Trong quá trình thực hiện, tùy theo yêu cầu thực tế, Hiệu trưởng sẽ xem xét và quyết định sửa đổi cho phù hợp.

